

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 07 – 11 - 2018

“V/v ly hôn và tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Thái Rết;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Khánh Hùng;
Ông Nguyễn Văn Toàn.

Thư ký phiên toà: Ông Châu Trần Nhật Nguyên – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2018/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018, về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 21/2018/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 185/2018/QĐ-PT ngày 17 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Ngọc H, sinh năm 1986; cư trú tại ấp Kinh Mới, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.(có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1982; cư trú tại số nhà 142, ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.(có mặt)

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Võ Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chị Võ Ngọc H trình bày:

Chị Võ Ngọc H và anh Trần Văn Đ tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/02/2010. Sau khi kết hôn, ông, bà sống chung tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình chung sống, ông, bà bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn do anh Đ không quan tâm chăm sóc vợ, con và gia đình. Từ đầu tháng 6 năm 2017, chị H đã về sống tại nhà cha mẹ ruột đến nay.

Chị Hà và anh Đ có hai con chung tên Trần Võ Minh T, sinh ngày 02/8/2010 và Trần Võ Tuyết N, sinh ngày 31/7/2015, hiện nay cháu Thư đang sống chung với chị H, cháu N đang sống chung với anh Đ. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị Võ Ngọc H yêu cầu Toà án giải quyết:

- Về hôn nhân: ly hôn với anh Trần Văn Đ.

- Về con chung: chị Võ Ngọc H yêu cầu được nuôi hai cháu Trần Võ Minh T, sinh ngày 02/8/2010 và Trần Võ Tuyết N, sinh ngày 31/7/2015 đến trưởng thành, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn Đ trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn, con chung, thời gian không còn sống chung đúng như chị H trình bày. Chị H tự ý bỏ về nhà cha, mẹ ở, không rõ nguyên nhân. Còn nguyên nhân mâu thuẫn như chị H trình bày là không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Nay anh Đ có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ.

- Về con chung: Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh Đ đồng ý giao cháu Trần Võ Minh T, sinh ngày 02/8/2010 cho chị H tiếp tục nuôi cháu T đến tuổi thành niên; anh Đ tiếp tục nuôi cháu Trần Võ Tuyết N, sinh ngày 31/7/2015 đến tuổi thành niên. Anh Đ không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu N và anh Đ cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu T.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 21/2018/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Ngọc H và anh Trần Văn Đ được ly hôn.

2. Về con chung:

- Giao cháu Trần Võ Minh T, sinh ngày 02/8/2010 cho chị Võ Ngọc H nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Trần Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Trần Võ Anh Thư mà không ai được cản trở. Anh Đ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T của chị Võ Ngọc H.

- Giao cháu Trần Võ Tuyết N, sinh ngày 31/7/2015 cho anh Trần Văn Đ nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị Võ Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Trần Võ Tuyết N mà không ai được cản trở. Chị H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N của anh Trần Văn Đ.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi cháu T đến tròn 18 tuổi và anh Đ cũng không có yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi cháu N đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12-9-2018, chị Võ Ngọc H kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét, giải quyết theo hướng cho bà được nuôi dưỡng thêm cháu Trần Võ Tuyệt N đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh Trần Văn Đ cấp dưỡng cho cháu N.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chị Võ Ngọc H không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật về tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 31/8/2018, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng ban hành bản án số 21/2018/HNGĐ-ST về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Ngày 12/9/2018, chị Võ Ngọc H nộp đơn kháng cáo. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chị H kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của chị Võ Ngọc H thì thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết về quan hệ hôn nhân chị Võ Ngọc H và anh Trần Văn Đ được ly hôn; về con chung giao cháu Trần Võ Minh T, sinh ngày 02/8/2010 cho chị H nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và giao cháu Trần Võ Tuyệt N, sinh ngày 31/7/2015 cho anh Đ nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị H không đồng ý nên đã kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho chị được nuôi dưỡng thêm cháu Trần Võ Tuyệt N đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh Trần Văn Đ cấp dưỡng cho cháu N, với lý do chị H cho rằng anh Đ không chăm sóc cho cháu N và sau khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết thì anh Đ không cho chị H thăm nom cháu N theo quy định. Như vậy, chị H và anh Đ đều thừa nhận hiện tại cháu Trần Võ Minh T đang sống chung với chị H, còn cháu Trần Võ Tuyệt N sống chung với anh Đ và cả hai cháu đều đang sống ổn định. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm thì cháu Trần Võ Minh T cũng đã được ghi nhận ý kiến về nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ.

[3] Xét về quyền lợi của con thì cần được sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha và mẹ, nhưng do cha mẹ đã ly hôn nên xác định người trực tiếp nuôi dưỡng con. Trong

trường hợp này, anh chị có hai người con nên cần xem xét đến việc sau khi ly hôn anh Đ, chị H đều có quyền được nuôi con như nhau. Mặt khác, chị H cũng không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh việc anh Đ không đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu N. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng, còn cháu N thì giao cho anh Đ nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế.

[4] Tuy nhiên, cần khẳng định quyền của của người không trực tiếp nuôi con và cũng là nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con được pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 như sau: *“Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”*. Như vậy, chị H và anh Đ đều được giao quyền nuôi dưỡng cháu T và cháu N như đã nêu trên nên phải thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi dưỡng con. Trường hợp, người trực tiếp nuôi dưỡng vi phạm các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và có căn cứ chứng minh những vi phạm nêu trên thì sẽ làm sơ sở để xem xét yêu cầu thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn, nếu có yêu cầu.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn chị H về việc giao cháu Trần Võ Tuyết N cho chị H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Các phần kháng của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Do yêu cầu kháng cáo của chị H không được chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm nên chị H phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 148; Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Võ Ngọc H về việc giao cháu Trần Võ Tuyết N, sinh ngày 31/7/2015 cho chị H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

2./ Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng, được tuyên lại như sau:

“1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Ngọc H và anh Trần Văn Đ được ly hôn.

2. Về con chung:

- Giao cháu Trần Võ Minh T, sinh ngày 02/8/2010 cho chị Võ Ngọc H nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Trần Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Trần Võ Anh Thư mà không ai được cản trở. Anh Đ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T của chị Võ Ngọc H.

- Giao cháu Trần Võ Tuyết N, sinh ngày 31/7/2015 cho anh Trần Văn Đ nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị Võ Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Trần Võ Tuyết N mà không ai được cản trở. Chị H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N của anh Trần Văn Đ.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi cháu T đến tròn 18 tuổi và anh Đ cũng không có yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi cháu N đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Võ Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000035 ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng và như vậy chị Võ Ngọc H đã nộp xong án phí.”

3./ Về án phí phúc thẩm: Chị Võ Ngọc H phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003500 ngày 12/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Chị H đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện M.
- Lưu: HS-TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Thái Rết